

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 06/12/2021

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P5+TD1+PPD	7:25	19+1+2	0+0+0		11+0+8	0+0+0	CHUYEN 8 P5-TD1
2		P3+P4+P10	7:25	8+12+2	0+0+0		7+9+6	0+0+0	CHUYEN 1 P3-P4
3		P7+BK3+P1+CTK3	7:25	17+1+0+1	0+0+0+0		11+1+3+5	0+0+0+0	
4		AMD+CLO+TD2	9:25	21+0+1	0+0+0		8+5+9	0+0+0	chuyen 1 clo-TD2
5		RP1+P5+P3	9:25	9+0+5	0+0+0		0+4+11	0+0+0	
6		BK10+AMD+TGTH4	9:25	5+13+2	0+0+0		0+20+2	0+0+0	
7		HST+TGTH1+TGTH5	11:25	12+4+3	0+0+0		0+5+5	0+0+0	
8		RC4+PVD1+P4	11:25	1+5+16	0+0+0		0+0+20	0+0+0	Bổ sung PMS

F1 + F2

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/12/2021	TO: P5 - TD1 - PPD	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: VThắng - NPhú - QTrưởng	ETA: 09:10
XANH-1			

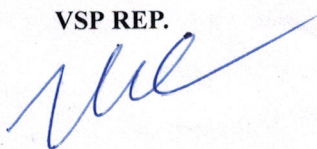
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VAN BAC	P5				15	78	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN QUANG PHUC	P5	41	1	3		49	KH-THAC	Vietnamese
3	LE QUY TOAN	P5	49	1	5	20	55	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN MACH	P5	42	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG BA VINH	P5	47	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN KHAI	P5	27	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN DOAN BINH	P5	33-35	3	16		66	YTE	Vietnamese
8	DAO VAN THANG	P5	45-46	2	10		55	PSV	Vietnamese
9	LE XUAN TINH	P5	43	1	5		71	PSV	Vietnamese
10	VU DINH TU	P5	44	1	8		55	PSV	Vietnamese
11	HA VAN NIEM	P5	40	1	5		68	PSV	Vietnamese
12	DANG TRONG DAT	P5	29-30	2	16		63	NAM TIEN	Vietnamese
13	VO VAN HOA	P5	36	1	5		59	NAM TIEN	Vietnamese
14	LE XUAN QUAN	P5	37	1	7		66	NAM TIEN	Vietnamese
15	NGUYEN TUAN KIET	P5	32	1	5		70	NAM TIEN	Vietnamese
16	TRAN PHUONG	P5	31	1	3		57	NAM TIEN	Vietnamese
17	BUI VAN DUA	P5	39	1	5		77	NAM TIEN	Vietnamese
18	LE QUANG PHUC	P5	38	1	5		59	NAM TIEN	Vietnamese
19	NGUYEN TRAI	P5	28	1	5		83	NAM TIEN	Vietnamese
20	DEMIN YURIY ALEKSEEVICH	TD1	48	1	9		97	KHOAN	Russian
21	OKOVANTSEV G.F	PPD	05	1	10		115	KHI	Russian
22	TRAN NGUYEN TAN TAI	PPD	06	1	7		83	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

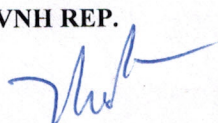
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	19	22	119	1.245	35	11	18	CHUYEN 8 PAX TU P5 SANG TD1
2	TD1	1	1	9	97	0	0		
3	PPD	2	2	17	198	0	8		
TOTAL		22	25	145	1.540	35	19		
WEIGHT KG				145	1.540	35			

GRAND TOAL: 1.720 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/12/2021	TO: P3 - P4 - P10	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO - THU	ETA: 09:15
CAM-1			

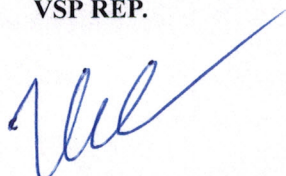
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN VAN VIET	P3	70	1	4	40	72	GETRACO	Vietnamese
2	BUI SI CUONG	P3	73	1	5		60	GETRACO	Vietnamese
3	LE TUAN VU	P3	71	1	7		96	GETRACO	Vietnamese
4	NGUYEN VAN PHONG	P3	72	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN MINH HOAI	P3	64-65	2	13		73	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI THE DUONG	P3	66	1	12		68	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI SY CONG	P3	68-69	2	8		63	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN QUOC BINH	P3	67	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TRONG KIEM	P4	47	1	6	40	80	KHI	Vietnamese
10	DAO DUC HUNG	P4	44	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN DUY THAI	P4	40	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
12	LUONG HUU HAU	P4	49	1	11		90	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM THAI SON	P4	42	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN HOANG VINH	P4	38	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM VAN HOANG	P4	39	1	10		88	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI MINH TUAN	P4	41	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN NGOC TUAN	P4	43	1	7		55	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN NHAN HAI	P4	46	1	11		69	KH-THAC	Vietnamese
19	DO MANH DUNG	P4	45	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
20	CHU VAN DAT	P4	48	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
21	TRAN HONG GIANG	P10	21-22	2	12	20	73	KH-THAC	Vietnamese
22	NGO QUANG THANG	P10	04	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

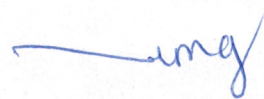
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	8	10	60	589	40	7 + 1		CHUYEN 1 PAX TU P3 SANG P4
2	P4	12	12	85	832	40	9		
3	P10	2	3	18	153	20	6		
TOTAL		22	25	163	1.574	100	22		
WEIGHT KG				163	1.574	100			

GRAND TOAL: 1.837 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/12/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: P7 - BK3 - P1 - CTK3	CREW: MTHẮNG - KHẢI - TSON	ETA: 09:40
VANG - 1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LƯƠNG VĂN LƯƠNG	P7	49	1	18		94	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ TRỌNG NGHĨA	P7	68	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN HỒNG HAI	P7	62	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐAM VĂN QUANG	P7	48	1	9		61	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ TRUNG KIẾN	P7	57	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	P7	52-53	2	10		77	KH-THAC	Vietnamese
7	HUYNH THANH TAM	P7	50-51	2	15		85	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU HÙNG	P7	60	1	10		61	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN LỢI	P7	54	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN TÂN SANG	P7	66-67	2	13		68	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN THIÊN	P7	55	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐINH VĂN THANH	P7	56	1	5	25	79	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC XUÂN	P7	58-59	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese
14	TRƯƠNG VĂN QUANG	P7	65	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH TÙNG	P7	63	1	10	27	74	CODIEN	Vietnamese
16	HOANG VIỆT HÙNG	P7	61	1	5		77	PSV	Vietnamese
17	DO LY KHANH	P7	64	1	10		80	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN PHƯỚC	BK3	36	1	3	25	70	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN NGOC BINH	CTK3	37	1	7		67	D-HANH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	17	21	157	1.253	52	11		
2	BK3	1	1	3	70	25	1		
3	P1	0	0	0	0	0	3		
4	CTK3	1	1	7	67	0	5		
TOTAL		19	23	167	1.390	77	20		
WEIGHT KG				167	1.390	77			

GRAND TOAL: 1.634 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/12/2021	TO: AMD - CLO - TD2	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:30
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: VThắng - NPhú - QTrường	ETA: 11:10
XANH-01			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG NHẬT QUANG	AMD	56	1	10	10	65	BAB	Vietnamese
2	K LỘC	AMD	65	1	11		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN XUÂN THANH	AMD	57	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN CÔNG DUNG	AMD	62-63	2	13		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN SANH	AMD	59	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NHƯ BAO CHUÔNG	AMD	52-53	2	10		80	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN MẠNH CÂN	AMD	60	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGÔ VĂN SÁU	AMD	71	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VIỆT LÂM	AMD	58	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN MINH ĐỨC	AMD	69	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN QUANG THANH	AMD	64	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐINH HỮU TỈNH	AMD	70	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ MẠNH HÀ	AMD	73-74	2	8		86	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐOÀN DUÂN	AMD	66	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
15	HỒ TRẦN PHƯƠNG ĐÔNG	AMD	54-55	2	18		65	KH-THAC	Vietnamese
16	THAI BA HÙNG	AMD	58	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN HỮU DẠNG	AMD	67	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
18	DƯƠNG CHÍ PHONG	AMD	61	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ ANH MINH	AMD	76	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN DÂN	AMD	72	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN PHAN	TD2	71	1	8	30	65	DUNG QU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

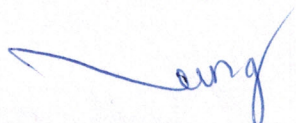
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	20	24	157	1.394	10	8		CHUYEN 1 PAX CLO-TD2
2	CLO	0	0	0	0	0	5		
3	TD2	1	1	8	65	30	9		
TOTAL		21	25	165	1.459	40	22		
WEIGHT KG				165	1.459	40			

GRAND TOAL: 1.664 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN


FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/12/2021	TO: RP1 - P5 - P3	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: MTHẮNG - KHẢI - TSON	ETA: 11:50
CAM-2			

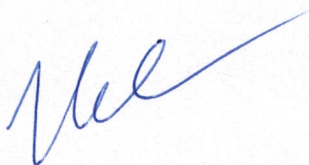
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÕ QUỐC TUẤN	RP1	96	1	15	15	78	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN MINH TOÀN	RP1	89	1	16		82	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ TRỌNG TUẤN	RP1	04-05	2	12	15	70	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN VIỆT DŨNG	RP1	90-91	2	13		63	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐOÀN XUÂN DƯƠNG	RP1	92	1	11		60	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐÀO QUYẾT THẮNG	RP1	95	1	10		69	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐÀO QUỐC HÙNG	RP1	06-07	2	18		62	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐÌNH PHÚ	RP1	93-94	2	18		83	XAYLAP	Vietnamese
9	PHAN VĂN ĐỨC	RP1	88,99	2	18		75	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN THIÊN THANH	P3	80	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN LÊ TUNG	P3	79	1	8		61	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ ĐỨC HÙNG	P3	81	1	10		92	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI VĂN THANH	P3	77	1	8		55	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN DUY KHANG	P3	78	1	5		82	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	9	14	131	642	30	0		
2	P5	0	0	0	0	0	4		
3	P3	5	5	41	372	0	11		
TOTAL		14	19	172	1.014	30	15		
WEIGHT KG				172	1.014	30			

GRAND TOAL: 1.216 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/12/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:35
FLIGHT: 06	TO: BK10 - AMD - TGTH4	CREW: HUNG - MTHAO - THU	ETA: 11:15
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ TRỌNG LINH	BK10	01	1	5	35	75	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM HOÀNG GIANG	BK10	800	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ XUÂN THUY	BK10	04	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
4	VÕ NGỌC THAI SƠN	BK10	13	1	15	65	72	CODIEN	Vietnamese
5	ĐẶNG CÔNG DANH	BK10	02	1	10		75	CODIEN	Vietnamese
6	ĐOÀN VĂN THUẬN	AMD	10-11	2	9		70	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐÀO ĐỨC HUY	AMD	03-04	2	14		65	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN ĐỨC TRUNG	AMD	12-13	2	8		58	KH-THAC	Vietnamese
9	NGÔ TRI HUNG	AMD	02	1	15		60	KH-THAC	Vietnamese
10	HOÀNG VĂN SÁU	AMD	08	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐOÀN VĂN DŨNG	AMD	14-15	2	12		80	KH-THAC	Vietnamese
12	HOÀNG ĐÌNH VINH	AMD	28,99,01	3	20		70	KH-THAC	Vietnamese
13	LÀ NGỌC MẠNH	AMD	17-18	2	8		65	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN THUY	AMD	16	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN LƯƠNG	AMD	19-20	2	19		72	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐOÀN HỒNG DƯƠNG	AMD	21-22	2	14		67	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TÂN VƯƠNG	AMD	09	1	7		69	PSV	Vietnamese
18	KHUC NGOC HIEU	AMD	05-07	3	20		81	PHATECO	Vietnamese
19	LÊ VĂN TÚ	TGTH4	15	1	11		62	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN THANH NGOAN	TGTH4	13-14	2	15		84	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	5	5	40	368	100	0		
2	AMD	13	24	158	888	0	19		
3	TGTH4	2	3	26	146	0	2		
TOTAL		20	32	224	1.402	100	21		
WEIGHT KG				224	1.402	100			

GRAND TOAL: 1.726 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/12/2021	TO: HST - TGTH1 - TGTH5	AIRCRAFT: 610	ETD: 11:25
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: Tường - NKhánh	ETA: 13:25
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HUYNH ĐỨC KHÁNH	HST	23-24	2	18		70	TLJOC	Vietnamese
2	ĐÀU VĂN SƠN	HST	20	1	15		60	TLJOC	Vietnamese
3	DƯ DẠNH TUYẾN	HST	91	1	10		86	TLJOC	Vietnamese
4	VÕ KHÁNH TAM	HST	21-22	2	14		71	TLJOC	Vietnamese
5	TRẦN VĂN NGỰ	HST	13	1	14		68	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC PHÁT	HST	12,95	2	15		68	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐO TRỌNG LƯỢNG	HST	67	1	10	17	60	XAYLAP	Vietnamese
8	VÕ TIẾN PHÁT	HST	18	1	20	17	71	XAYLAP	Vietnamese
9	LƯU QUÝ DỪNG	HST	16	1	11		59	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ XUÂN HIỀN	HST	28	1	9		58	XAYLAP	Vietnamese
11	HOÀNG XUÂN HUY	HST	14	1	10	12	60	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ VĂN Y	HST	13	1	15		74	XAYLAP	Vietnamese
13	HOÀNG NAM HAI	TGTH1	15-16	2	16		85	KH-THAC	Vietnamese
14	NGÔ QUANG HUÂN	TGTH1	19-20	2	14		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN HỮU CUÔNG	TGTH1	06,14	2	10		78	KH-THAC	Vietnamese
16	HOÀNG VĂN GIANG	TGTH1	17-18	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
17	DƯƠNG VĂN ĐỒNG	TGTH5	18-19	2	7		58	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN VĂN KHÁNH	TGTH5	17	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

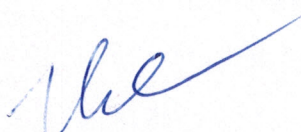
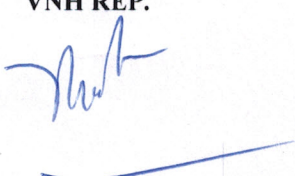
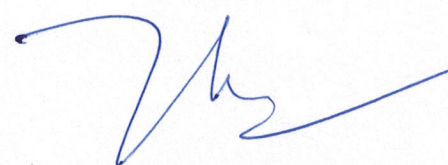
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	HST	12	15	161	805	46	0		
2	TGTH1	4	8	50	303	0	5		
3	TGTH5	2	3	12	115	0	5		
TOTAL		18	26	223	1.223	46	10		
WEIGHT KG				223	1.223	46			

GRAND TOAL: 1.492 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/12/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:30
FLIGHT: 08	TO: RC4 - PVD1 - P4	CREW: VThắng - NPhú - QTrưởng	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VÕ NGOC QUỲNH	RC4	21-22	2	14		57	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ ĐỨC ANH	PVD1	70-71	2	21	30	79	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN NAM	PVD1	09	1	13		70	DVL	Vietnamese
4	NGUYỄN VÕ ĐÌNH DUY	PVD1	69	1	17		78	DVL	Vietnamese
5	VŨ VĂN NAM	PVD1	04	1	12	41	66	DVL	Vietnamese
6	TRẦN CÔNG CHIẾN	PVD1	10	1	14		83	DVL	Vietnamese
7	TRẦN HOANG SANG	P4	33	1	11	10	88	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ VĂN KHOAI	P4	32	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU THAO	P4	31	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ HUY CHUÔNG	P4	32	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ HỒNG TRUNG	P4	26	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN NGỌC TUYẾN	P4	28	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	P4	35	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ MẠNH HÀ	P4	29	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN KHANH	P4	27	1	9		72	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI MẠNH CUÔNG	P4	34	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	1	2	14	57	0	0		
2	PVD1	5	6	77	376	71	0		
3	P4	10	10	64	678	10	14		
TOTAL		16	18	155	1.111	81	14		
WEIGHT KG				155	1.111	81			

GRAND TOAL: 1.347 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN